

KẾ HOẠCH

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 2606/BTTTT-THH-ANTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch cụ thể như sau:

Phần 1

Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020

I. Môi trường pháp lý

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh như:

- Chỉ thị số 40-CT/TU 17/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển CNTT tỉnh Quảng Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt Đề án “Phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

- Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh.

Các văn bản được ban hành đã cụ thể hóa các chủ trương của Chính phủ về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho việc phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

II. Hạ tầng kỹ thuật

Về hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet trên địa bàn tỉnh: đến nay, sóng thông tin di động đã phủ sóng đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đường truyền cáp quang đến 96% số xã. Toàn tỉnh có 1.188.209 thuê bao điện thoại (trong đó số thuê bao điện thoại cố định là 26.226 thuê bao, số thuê bao điện thoại di động là 1.161.983 thuê bao), mật độ điện thoại trên toàn tỉnh là 73,77 máy/100 dân (trong đó: mật độ điện thoại cố định là 1,63 máy/100 dân, mật độ điện thoại di động 72,14 máy/100 dân). Số thuê bao internet là 159.764.

Về hạ tầng công nghệ thông tin: hầu hết các đơn vị đều có hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), kết nối Internet băng thông rộng, tuy nhiên, hệ thống mạng, máy tính tại một số đơn vị chưa đồng bộ, xuống cấp, chưa quản lý kết nối tập trung. Tại UBND các xã, phường, thị trấn, đặc biệt là các xã miền núi, thiết bị tin học, máy tính còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số xã của tỉnh chưa có cáp quang, kết nối internet qua mạng 3G, tốc độ không đảm bảo (gồm: Tân Hiệp (Hội An), Trà Linh, Trà Vân, Trà Cang (Nam Trà My), Phước Thành (Phước Sơn), Đắc Pring, La ÊÊ, Chợ Chun (Nam Giang), La ÊÊ (Đông Giang), Ch'om, Gari (Tây Giang)).

Đã xây dựng và vận hành các hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh bao gồm:

- Hệ thống mạng WAN: hiện nay, tất cả các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã kết nối vào mạng diện rộng của tỉnh (WAN) (bao gồm 40 Sở, Ban, ngành và 18 huyện, thị xã, thành phố; tốc độ đường truyền trung bình 20Mbps/đơn vị). Chưa triển khai kết nối mạng WAN đến cấp xã.

- Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh: mới được đầu tư đưa vào khai thác vận hành từ 12/2019, đến nay hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu về triển khai các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh. Hệ thống gồm 07 máy chủ dạng phiến (blade), 14 CPU 2.00GHz, 3T RAM; dung lượng lưu trữ khả dụng 31TB dữ liệu. Hệ thống đang được cấu hình với tổng cộng 120 server ảo hóa (VPS) phục vụ việc cài đặt các ứng dụng như thư điện tử; QOffice; cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin các đơn vị; hệ thống một cửa điện tử liên thông; hệ thống LGSP; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình: bao gồm 36 điểm cầu, bao gồm điểm cầu Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Văn phòng HĐND và UBND 18 huyện, thị xã, thành phố và Văn phòng 18 huyện, thị, thành ủy. Thiết bị điều khiển trung tâm (MCU) 02 bộ, có quy mô đáp ứng 30 điểm cầu với độ phân giải chuẩn HD. Trong 20 điểm cầu hiện tại có 04 điểm HD, còn lại sử dụng chuẩn SD.

III. Các hệ thống nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ

Tỉnh Quảng Nam đã tập trung xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin dùng chung, phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (Quảng Nam Portal có địa chỉ tại www.quangnam.gov.vn): cung cấp thông tin hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các ngành, địa phương; thông tin về chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo điều hành của tỉnh; các thông tin khác theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh (<http://dichvucong.quangnam.gov.vn>): cung cấp DVC trực tuyến của tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử: đến nay, đã triển khai ứng dụng hệ thống một cửa điện tử tại tất cả các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý, giám sát tình hình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, công dân; hỗ trợ tra cứu kết quả hồ sơ qua mạng. Đối với cấp xã: đã triển khai cài đặt, tập huấn sử dụng phần mềm cho tất cả các xã, phường, thị trấn, đến nay đã có hơn 100 UBND cấp xã chính thức triển khai phần mềm một cửa điện tử. Hệ thống cổng DVC TT của tỉnh và phần mềm một cửa điện tử đang được triển khai vận hành thông suốt, hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã, đảm bảo theo các quy định tại Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

- Triển khai thiết lập quy trình điện tử theo Thông tư số 01/2019/TT-VPCP cho 12/17 bộ quy trình điện tử của các ngành trên hệ thống phần mềm. Cài đặt, cấu hình quy trình xử lý liên thông 03 cấp tỉnh, huyện, xã trên hệ thống phần mềm theo các Quyết định ban hành quy trình liên thông đối với một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai; Lao động, người có công và xã hội; Xây dựng.

- Triển khai phần mềm khảo sát mức độ hài lòng: phần mềm cho phép đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức công dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước. Người dân có thể đánh giá CBCC qua Cổng DVC trực tuyến tỉnh hoặc trên màn hình cảm ứng tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Triển khai dịch vụ thanh toán trực tuyến (phối hợp với Ngân hàng Công thương chi nhánh Quảng Nam), tích hợp trên cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: đã triển khai cho 4 đơn vị: Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Chi cục Thú y - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Về cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3, 4: thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thực hiện đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, đã cấu hình danh mục 792 DVC mức 3, 4 của tỉnh. Kết quả cụ thể như sau: tỷ lệ DVCTT mức 3: 30% (539/1800); tỷ lệ DVCTT mức 4: 14% (253/1800). Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến năm 2019 là 9.460 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 20,9% (6630 hồ sơ trực tuyến mức 3/ tổng số 317.01 hồ sơ), mức độ 4 đạt 36,3% (2830 hồ sơ trực tuyến mức độ 4 / tổng số 7789 hồ sơ).

Việc cung cấp DVC TT mức độ 3, 4 được người dân và doanh nghiệp đồng tình và đánh giá cao, đã tạo thuận lợi, giảm thời gian đi lại.

- Triển khai liên thông 3 cấp văn bản điện tử và kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ.

- Phần mềm QOffice đã được triển khai sử dụng tại 100% các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường trên địa bàn tỉnh và đã kết nối liên thông hệ thống phần mềm của các đơn vị qua trục liên thông văn bản nội tỉnh. Đến nay, hệ thống phần mềm QOffice của tỉnh đã kết nối thông suốt với Văn phòng Chính phủ thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và kết nối liên thông 3 cấp tỉnh, huyện, xã thông qua trục liên thông văn bản nội tỉnh, cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đã thực hiện tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào phần mềm QOffice phục vụ cho việc ký số văn bản điện tử (tuy nhiên, quy trình ký số văn bản điện tử trên phần mềm chưa đáp ứng Thông tư số 01/2019/TT-BNV).

- Việc gửi nhận văn bản điện tử theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã giúp tiết kiệm rất lớn chi phí giấy tờ, thời gian gửi nhận văn bản điện tử giữa các đơn vị, việc trao đổi văn bản được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, góp phần thực hiện số hóa hồ sơ tài liệu của cơ quan nhà nước.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước: UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 18/8/2017); Công văn số 2246/UBND-KGVX 25/4/2019 của UBND tỉnh về chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh triển khai chữ ký số. Đến nay, đã cấp hơn 1.500 chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn tỉnh (trong đó có 487 chứng thư số tổ chức, 905 chứng thư số cá nhân). Tỷ lệ chung, đã cấp chứng thư cho 100% các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện; 70% UBND cấp xã, đáp ứng yêu cầu về sử dụng chứng thư số chuyên dùng của các cơ quan đơn vị để thực hiện việc gửi nhận văn bản điện tử và các giao dịch trực tuyến khác.

- Triển khai hệ thống email công vụ: đã triển khai sử dụng email công vụ quangnam.gov.vn để thực hiện trao đổi dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đến nay đã tạo lập hộp thư cho tất cả các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị khối Đảng trên địa bàn tỉnh, với tổng cộng khoảng 1.500 tài khoản.

- Về kết nối với các hệ thống thông tin quốc gia: theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, việc kết nối các hệ thống thông tin quốc gia được thực hiện theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kết nối thông qua nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia NGSP. Đến nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa chính thức đưa vào vận hành NGSP, mới thử nghiệm cung cấp kết nối một số CSDL quốc gia như Lý lịch tư pháp, Bảo hiểm xã hội. Sở Thông tin và Truyền

thông đã chủ động kết nối với các hệ thống thông tin quốc gia phục vụ nhu cầu khai thác dữ liệu của tỉnh, đến nay đã kết nối thông suốt với các hệ thống thông tin bao gồm CSDL đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), CSDL cấp, đổi GPLX, CSDL cấp phép liên vận (Bộ GTVT); CSDL Lý lịch Tư pháp (Bộ Tư pháp); CSDL cấp phép lao động người nước ngoài (đang thực hiện).

IV. Phát triển dữ liệu

Hầu hết các Sở, ngành đã xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ điều hành tác nghiệp tại đơn vị như sau:

- Hệ thống thông tin chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

+ Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh

+ Tiến độ triển khai: hệ thống thông tin chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2017. Đến nay, hệ thống hoạt động tốt, giúp Lãnh đạo có thể theo dõi, thống kê và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các Sở, ban, ngành, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của UBND tỉnh.

- Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh

+ Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

+ Tiến độ triển khai: Hiện nay, Sở Nội vụ đang hoàn thiện phần mềm để đưa vào sử dụng chính thức.

- CSDL quản lý điều hành ngân sách, tài sản công trên địa bàn tỉnh

+ Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.

+ Tiến độ triển khai: phần mềm quản lý nguồn và điều hành ngân sách đã được hoàn thiện và triển khai áp dụng tại Sở Tài chính từ đầu năm 2020 đáp ứng các yêu cầu về quản lý và điều hành ngân sách.

- Hệ thống quản lý bệnh viện và kê khai chi phí khám chữa bệnh BHYT

+ Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay, Sở Y tế đã triển khai Phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT (VNPT HIS) trên toàn ngành, toàn tỉnh.

- Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư ngân sách địa phương

+ Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai xây dựng phần mềm. Thời gian dự kiến hoàn thành hệ thống: Quý IV năm 2020.

- CSDL người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh

+ Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay, Đề án “Xây dựng hệ thống CNTT quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam” đang được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện. Trong đó, phần mềm quản lý hồ sơ người có công và các thiết bị hỗ trợ đã thực hiện xong và đưa vào sử dụng.

- CSDL di sản, di tích trên địa bàn tỉnh

+ Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Tiến độ triển khai: đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu di sản, di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Hiện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang triển khai thực hiện hợp đồng thuê Server, đăng kí tên miền để vận hành hệ thống phần mềm, tiếp tục tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, vận hành phần mềm từ tỉnh đến địa phương.

- Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng giao thông vận tải

+ Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông Vận tải.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay, Sở Giao thông vận tải đã hoàn thành việc xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng giao thông vận tải và đưa vào sử dụng. Phần mềm được sử dụng cho Sở Giao thông vận tải quản lý thông tin, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh và xây dựng các kế hoạch bảo trì, phương án phát triển giao thông. Ngoài ra, hệ thống được dùng để các cơ quan, đơn vị, người dân tra cứu thông tin liên quan đến giao thông vận tải.

- Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Tiến độ triển khai: Sở NN&PTNT đang thực hiện các thủ tục báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp vốn trong năm 2020 để triển khai thực hiện.

- Xây dựng CSDL phục vụ quản lý nhà nước ngành công thương

+ Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương.

+ Tiến độ triển khai: đã xây dựng xong cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý ngành Công thương trên địa bàn tỉnh, đã tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho các phòng Kinh tế - Hạ tầng, Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố sử dụng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về Khoa học và Công nghệ

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay hệ thống đã được triển khai, vận hành ổn định.

- Cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý thông tin môi trường tỉnh Quảng Nam

+ Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Tiến độ triển khai: chưa triển khai.

- Hệ thống thông tin quản lý quy hoạch kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Nam

+ Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Tiến độ triển khai: đang triển khai xây dựng CSDL địa chính trên địa bàn tỉnh (được 4/18 huyện, thị xã, thành phố).

- Hệ thống Quản lý thông tin trường học

+ Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiến độ triển khai: hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng CSDL quốc gia về giáo dục và đã triển khai thực hiện đến các cơ sở giáo dục trong toàn quốc, nên tỉnh Quảng Nam không cần phải xây dựng.

Các cơ sở dữ liệu được đưa vào hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy cải cách hành chính tại cơ quan đơn vị. Các cơ sở dữ liệu đang trong quá trình triển khai hoặc chưa triển khai sẽ được đôn đốc thực hiện, hoàn thành sớm để đưa vào sử dụng.

V. Nguồn nhân lực

Các đơn vị, bộ phận chuyên trách Công nghệ thông tin của tỉnh gồm: Trung tâm CNTT và Truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông); Phòng Cơ yếu - CNTT của Văn phòng Tỉnh ủy; Đội CNTT thuộc Công an tỉnh, Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường). Hiện tại các đơn vị này có một số cán bộ kỹ thuật có nghiệp vụ tốt về CNTT. Tuy nhiên, lực lượng vẫn còn ít, kinh nghiệm không đồng đều.

Tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố: hầu hết các đơn vị có 1-2 cán bộ phụ trách CNTT. Tổng số cán bộ CNTT là 150 người, hầu hết có trình độ đại học, trên đại học về CNTT. Tuy nhiên, nguồn nhân lực CNTT trong các CQNN cấp tỉnh, cấp huyện chưa đáp ứng được nhu cầu, vẫn còn thiếu cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chưa có khả năng triển khai các hệ thống ứng dụng tác nghiệp và xử lý sự cố an toàn thông tin.

Trong những năm qua, tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ phụ trách CNTT trên địa bàn tỉnh với các nội dung đào tạo về quản trị, vận hành các hệ thống ứng dụng dùng chung, quản trị trang thông tin điện tử, an toàn bảo mật thông tin, ứng cứu sự cố máy tính,

Để đáp ứng yêu cầu về triển khai Chính quyền số trong thời gian tới, cần thiết phải xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ CNTT của tỉnh, đặc biệt là tăng cường đầu tư nguồn lực, nhân lực cho Trung tâm CNTT – TT của tỉnh đảm bảo khả năng quản lý, vận hành các hệ thống CNTT triển khai toàn tỉnh.

VI. An toàn thông tin

- UBND tỉnh đã ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; thành lập Đội ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh nhằm ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố về an toàn thông tin.

tin trên địa bàn tỉnh. Tổ chức diễn tập an ninh mạng với sự tham gia của các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát an toàn thông tin đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, các ứng dụng dùng chung, phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn thông tin. Phối hợp với các đơn vị chuyên trách về An toàn thông tin của Trung ương như Trung tâm CNTT – Giám sát ATTT (Ban Cơ yếu Chính phủ), Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông); Lữ đoàn 3 (Bộ Tư lệnh tác chiến không gian mạng) để hỗ trợ, trao đổi thông tin, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Hiện Quảng Nam đã thực hiện đủ các nội dung về an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp được hướng dẫn tại Công văn số 1552/BTTTT-CATTT ngày 28/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đôn đốc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp”.

- Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ: hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện xây dựng hồ sơ trình phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, từ đó xây dựng và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

- Tình hình triển khai Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC): trong năm 2020, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam đã thực hiện thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Việc triển khai SOC góp phần nâng cao công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Tình hình kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật: hằng năm, tỉnh thực hiện thuê đơn vị tư vấn độc lập thực hiện đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống của tỉnh để kịp thời phát hiện các lỗ hổng, sự cố để khắc phục

- Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc: 100% số máy tính trên địa bàn tỉnh có cài phần mềm diệt virus để phát hiện, xử lý mã độc. Tuy nhiên, tỉnh chưa triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập trung cũng như kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu thông kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tình hình tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng: tỉnh đã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng qua các lớp tập huấn và các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau như: Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Nam, Cổng Thông tin điện tử tỉnh... để nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng cho cán bộ công chức toàn tỉnh và nhân dân.

- Tình hình tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng: hằng năm có tổ chức đào tạo về an toàn thông tin mạng cho cán bộ công nghệ thông tin của tỉnh cũng như tham dự các lớp đào tạo, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Tình hình xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố: tỉnh đã xây dựng đội ứng phó sự cố an toàn thông tin cho toàn tỉnh và cũng đã tham gia vào mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

VII. Kinh phí thực hiện

- Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 được đính kèm tại **Phụ lục I**.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ lập Kế hoạch

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

II. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT-TT hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT, nâng cao an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển theo hướng bền vững phục vụ người dân, xã hội ngày một tốt hơn, nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống của người dân; ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 hướng đến nền kinh tế số, xã hội số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Phần đầu nâng cao chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT-TT, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SiPas), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).
- Hiện đại hoá, nâng cao năng lực hoạt động công tác quản lý, điều hành trong các quản lý đô thị; cải thiện mối liên kết giữa Chính quyền – người dân – doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tạo lập nền tảng xây dựng và phát triển các chuỗi

dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, có tính kết nối và mang lại những lợi ích về kinh tế - xã hội cho các đô thị lớn trong khi vẫn giúp đô thị tăng cường năng lực gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

III. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, phấn đấu đạt được:

- Ban hành được hệ thống văn bản quy định về CNTT thúc đẩy tương tác, tác nghiệp giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền (G2C và G2B), giữa các đơn vị bên trong chính quyền (G2G) trên môi trường điện tử, môi trường số; khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân tham gia vào việc phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Nam;

- Xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng CQĐT, Chính quyền số tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật. Hoàn thành việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

- Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% các giao dịch trên Cổng dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã được xác thực điện tử.

- Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ hành chính công tỉnh. 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền số được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ cấp tỉnh tới cơ sở. 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Trên 50% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã biết sử dụng máy tính mức độ cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

- 80% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở, dưới dạng máy có khả năng đọc, để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các CSDL quốc gia không phải cung cấp lại.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số do Chính quyền Quảng Nam cung cấp.

- Hoàn thành việc xây dựng các CSDL dùng chung, chia sẻ toàn tỉnh giúp đáp ứng nhu cầu về chia sẻ thông tin với người dân, doanh nghiệp; và chia sẻ/kết nối với các hệ thống thông tin quốc gia/các cấp/các ngành, lĩnh vực;

- Xây dựng/định hình được hệ sinh thái các ứng dụng chuyên ngành, các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, các ứng dụng phục vụ cung cấp các dịch vụ, tiện ích cho người dân và doanh nghiệp trên toàn tỉnh Quảng Nam;

- Triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình “4 lớp” về an toàn thông tin; triển khai trung tâm giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống dùng chung toàn tỉnh; hoàn thiện hồ sơ đánh giá cấp độ cho các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; thực hiện đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.

IV. Nhiệm vụ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Hoàn thiện khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam phiên bản 2.0.

- Ban hành Đề án tổng thể phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hạ tầng Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Nam.

- Các văn bản khác theo hướng dẫn của các cơ quan cấp trên và theo yêu cầu của thực tế công việc.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

2.1 Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số và đô thị thông minh

Thực hiện nâng cấp, tái cấu trúc mô hình hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ

liệu tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây (mô hình private cloud) để phục vụ lưu trữ, vận hành hệ thống các ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh; nâng cấp, hoàn chỉnh hạ tầng WAN của tỉnh, đảm bảo 100% các hệ thống thông tin của các sở, ban ngành được kết nối trực tiếp về Trung tâm dữ liệu tỉnh thông qua hạ tầng mạng WAN; trang bị hạ tầng đầu cuối tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để kết nối với hệ thống thông tin của UBND cấp huyện và UBND cấp xã, qua đó kết nối thống nhất và đồng bộ toàn bộ hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.2 Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh Quảng Nam (IOC Quảng Nam)

Xây dựng IOC Quảng Nam là nơi làm việc tập trung thực hiện việc giám sát, điều hành các lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của tỉnh như: giao thông, an ninh công cộng, ứng cứu khẩn cấp, sứa nạn, cứu hộ, ung cấp điện, chiếu sáng đô thị, cấp thoát nước, thời tiết, môi trường... của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp dịch vụ công ích trong tỉnh.

2.3 Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã

Thực hiện mở rộng hạ tầng mạng WAN/Truyền số liệu chuyên dùng kết nối đến cấp xã/phường trên địa bàn tỉnh.

2.4 Nâng cấp hạ tầng CNTT, hệ thống bảo mật cho các Sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh

Nâng cấp hệ thống mạng LAN, wifi, máy tính, trang thiết bị CNTT, lưu trữ và phòng chống mã độc, đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT tại các đơn vị, nâng cao năng lực phòng chống và xử lý, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các Sở/Ngành/địa phương trên địa bàn toàn Tỉnh.

2.5 Mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến

Mở rộng cầu truyền hình đến các đơn vị cấp phường/xã đảm bảo họp hội nghị, giao ban liên thông các cấp chính quyền địa phương từ tỉnh đến xã.

2.6 Đầu tư hiện đại hóa hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn các đô thị như cảnh báo sớm nguy cơ hoả hoạn, cảnh báo và phòng chống tội phạm.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

3.1 Xây dựng nền tảng Chính quyền số tỉnh Quảng Nam

- Xây dựng Nền tảng liên thông tích hợp, phát triển ứng dụng, dịch vụ, giám sát, phân tích dữ liệu, devops, cloud, định danh, fintech... phục vụ phát triển ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số, kết nối hệ thống (đô thị thông minh, dữ liệu mạng xã hội, ...), đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo các tiêu chuẩn công nghệ mới trong lĩnh vực ICT.

- Xây dựng nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử, hướng tới mô hình liên hiệp định danh, thực hiện chức năng thu thập, xác minh, tạo lập dữ liệu, cung cấp thông tin định danh và xác thực người sử dụng trong các giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước.

- Mở các nền tảng và các nguồn dữ liệu mở hướng tới hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế xã hội.

3.2 Hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng dùng chung theo hướng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và khai thác các CSDL quốc gia, CSDL địa phương

Thực hiện nâng cấp các ứng dụng dùng chung đảm bảo liên thông, tích hợp, chia sẻ được với các nền tảng chính quyền điện tử LGSP. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung phải được chia sẻ khi có nhu cầu. Các dữ liệu gốc sinh ra trong các nghiệp vụ phải được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API), hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp địa phương.

3.3 Xây dựng và triển khai các ứng dụng Chính quyền điện tử giúp điều hành, quản lý và kết nối với người dân, doanh nghiệp

Xây dựng tổng đài hỏi đáp các vướng mắc; công thông tin phản ánh, góp ý; ứng dụng trên điện thoại thông minh... tương tác giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp. Chuyển tiếp các vấn đề tồn tại tới các cơ quan chức năng chuyên trách, kịp thời giải quyết cho công dân, doanh nghiệp.

4. Phát triển dữ liệu

4.1 Xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Nam

Xây dựng các công cụ lưu trữ, xử lý, quản trị dữ liệu dùng chung trên toàn tỉnh (Data warehouses, Datalake...)

4.2 Xây dựng các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh

Xây dựng công cụ để chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu mở của tỉnh. Cổng dữ liệu mở là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan thuộc Chính quyền tỉnh Quảng Nam trên môi trường mạng nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế xã hội số.

4.3 Xây dựng các CSDL chuyên ngành ưu tiên

Danh sách các CSDL chuyên ngành ưu tiên gồm:

STT	Tên CSDL, hệ thống thông tin chuyên ngành	Nội dung chính		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	<p>- Xây dựng CSDL về cấp phép Xây dựng tỉnh Quảng Nam.</p> <p>- Xây dựng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị trên địa bàn toàn tỉnh</p>	<p>Hệ thống thông tin quản lý cấp phép xây dựng triển khai đồng bộ từ tỉnh đến các địa phương</p> <p>Hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành quy hoạch xây dựng</p>		Sở Xây dựng	Sở GTVT, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	<p>Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường, Công thông tin chia sẻ dữ liệu không gian địa lý tỉnh Quảng Nam</p>	<p>Xây dựng Hệ thống thông tin tích hợp và quản trị TNMT.</p> <p>+ Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý, Cổng thông tin không gian địa lý tỉnh Quảng Nam : 01 bộ cơ sở dữ liệu nền địa lý cấp tỉnh, 18 bộ cơ sở dữ liệu nền địa lý cấp huyện/thành phố.</p> <p>Cung cấp chia sẻ hạ tầng dữ liệu không gian, dịch vụ dữ liệu (services) nền phục vụ vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Quảng Nam.</p> <p>+ Phân hệ Trao đổi thông tin điện tử giữa cơ quan quản lý Thuế và cơ quan quản lý đất đai.</p> <p>+ Phân hệ phần mềm quản lý CSDL quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.</p> <p>+ Phân hệ phần mềm quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra lĩnh vực TNMT.</p> <p>+ Phân hệ phần mềm hỗ</p>		Sở TN&MT	Sở TT&TT

		<p>trợ cập nhật, quản lý CSDL tài nguyên nước, khí tượng thủy văn.</p> <p>+ Phân hệ phần mềm hỗ trợ cập nhật cơ sở dữ liệu, quản lý hoạt động địa chất khoáng sản.</p> <p>+ Phân hệ phần mềm quản lý, cập nhật CSDL Biển - Hải đảo.</p>			
3	<p>- Xây dựng CSDL khách sạn, nhà hàng, các địa điểm lưu trú, các công ty lữ hành, vận tải du lịch...trên toàn Tỉnh.</p> <p>- Xây dựng CSDL số di sản văn hóa thế giới Hội An và Mỹ Sơn: xây dựng bộ bản đồ địa hành, mô hình số độ cao, CSDL địa lý của di sản, mô hình số 3D khu di tích, di sản; dựng hình ảnh 360 và mô hình thực tế ảo, thu thập dữ liệu thông tin thuộc tính của các di sản văn bản...</p>	<p>Phần mềm quản lý Vận động viên Thể thao; Hệ thống Trưng bày và Thuyết minh tương tác ở Bảo tàng; Công nghệ thực tế ảo trong giới thiệu điểm đến</p>		Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	các huyện, thị xã, thành phố
4	<p>- Xây dựng CSDL về quản lý cấp phép đầu tư và chứng nhận đầu tư của tỉnh.</p> <p>- Xây dựng CSDL về hộ kinh doanh cá thể của tỉnh</p>	<p>Phần mềm và CSDL quản lý cấp phép đầu tư và chứng nhận đầu tư của tỉnh, quản lý hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh.</p>		Sở Kế hoạch và Đầu tư	các huyện, thị xã, thành phố

5	Xây dựng CSDL ngành y tế	<p>Nâng cấp, tích hợp các hệ thống quản lý khám chữa bệnh; hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai bệnh án điện tử</p> <p>Phần mềm thống kê y tế điện tử</p> <p>Hệ thống thông tin quản lý nguồn nhân lực y tế</p> <p>Hệ thống thông tin quản lý cung ứng thuốc, kiểm nghiệm thuốc và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành dược, Hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế</p> <p>Hệ thống thông tin quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm</p> <p>Nâng cấp và phát triển các ứng dụng, dịch vụ, tiện ích trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao năng lực hệ thống y tế trên địa bàn Tỉnh, bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người dân và du khách.</p>		Sở Y tế	các huyện, thị xã, thành phố
6	Xây dựng CSDL chuyên ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	<p>- Xây dựng CSDL quản lý đối tượng và chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; - Xây dựng CSDL quản lý các đối tượng nghiện ma túy, người bán dâm, nạn nhân bị mua bán</p>		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các huyện, thị xã, thành phố

7	Xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - CSDL chăn nuôi, thú y - CSDL trồng trọt và bảo vệ thực vật - CSDL quản lý chất lượng nông lâm thủy sản CSDL về giấy phép khai thác thủy sản và đăng ký tàu cá trong Tỉnh.		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Hệ thống thống kê báo cáo số liệu tổng hợp của tỉnh.	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo đầy đủ các tiêu chí, biểu mẫu theo chế độ báo cáo hiện hành, đáp ứng yêu cầu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, phân cấp hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, cấp huyện và các ngành, kết nối với Chính phủ theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ		Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố
9	Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, điều hành tác nghiệp tại Văn phòng HĐND tỉnh	Phần mềm hỗ trợ quản lý nội dung kỳ họp HĐND; + Hệ thống quản lý, theo dõi ý kiến, kiến nghị của HĐND tỉnh		Văn phòng HĐND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Xây dựng hệ thống quản lý và dữ liệu nhà trường, các cơ sở giáo dục, văn bằng chứng chỉ	Triển khai hệ thống quản lý trường học, trường học điện tử, kết nối dữ liệu về Sở GD&ĐT phục vụ tổng hợp báo cáo		Sở Giáo dục và Đào tạo	các huyện, thị xã, thành phố

11	Xây dựng công cụ tích hợp CSDL dân cư Quốc gia với các hệ thống thông tin của tỉnh	Kết nối, tích hợp dữ liệu CSDL quốc gia về dân cư do Bộ Công an chia sẻ với các ứng dụng Chính quyền điện tử thông qua LGSP của tỉnh Công cụ hỗ trợ quản lý nhân, hộ khẩu thường trú cho Công an các xã, phường, thị trấn		Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
12	Xây dựng CSDL chuyên ngành Tư pháp	Tích hợp, chia sẻ dữ liệu hộ tịch, Xây dựng Hệ thống thông tin đấu giá trực tuyến, hệ thống chứng thực bản sao điện tử; Hệ thống thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật; nâng cấp mở rộng phần mềm quản lý hồ sơ công chứng đến cấp xã		Sở Tư pháp	UBND các huyện, thị xã, thành phố
13	Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp; kế hoạch thanh tra; CSDL và hệ thống Quản lý kê khai tài sản	Phần mềm và CSDL quản lý dữ liệu về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp; kế hoạch thanh tra; CSDL và hệ thống Quản lý kê khai tài sản		Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố
14	Xây dựng CSLD chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.	CSDL chuyên ngành quản lý dữ liệu về báo chí, xuất bản, CNTT, Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh		Sở Thông tin và Truyền thông	

15	Xây dựng hệ thống ký số tập trung phục vụ quản lý chứng thư số, cung cấp dịch vụ ký số cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh	Hệ thống ký số tập trung phục vụ quản lý chứng thư số, cung cấp dịch vụ ký số cho các ứng dụng dùng chung, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo Thông tư 16/2019/TT-BTTTT và của Ban Cơ yếu chính phủ quy định		Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố
16	Số hóa các CSDL trên toàn tỉnh	Số hóa hồ sơ lưu trữ, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị		Sở Nội vụ	các ngành, địa phương

Ngoài các hệ thống thông tin chuyên ngành trên, các ngành, địa phương trên cơ sở nhu cầu thực tế về ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, chủ động xây dựng, nâng cấp và triển khai các phần mềm chuyên ngành đảm bảo tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

5.1 Nâng cấp, triển khai Hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh và hệ thống ký số tập trung

Nâng cấp kho lưu trữ số tập trung toàn tỉnh phục vụ khai thác và dùng chung cho các cơ quan nhà nước và hình thành các hồ sơ hành chính của công dân và doanh nghiệp trên môi trường điện tử và quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của Tỉnh hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

6.1 Cơ chế

- Tiếp tục xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm ATTT đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều khiển công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ ATTT mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin. *(Trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm ATTT mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ)*

6.2 Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) toàn tỉnh.

- Đầu tư trang thiết bị trung tâm giám sát an toàn thông tin.
- Xây dựng nền tảng giám sát an toàn thông tin, các bộ tích hợp giám sát an toàn thông tin, đảm bảo việc giám sát, phân tích thông tin, cảnh báo sớm cho các sở, ban, ngành đồng thời thực hiện công tác điều hành an toàn, an ninh mạng trên quy mô toàn tỉnh.
- Triển khai giám sát đối với các hệ thống CNTT trong toàn tỉnh theo các cấp độ và mức độ quan trọng của từng hệ thống và dữ liệu.
- Tổ chức diễn tập các tình huống giả định sự cố thường xuyên, để tăng khả năng ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Tổ chức đào tạo tập huấn cán bộ chuyên trách về giám sát an toàn thông tin.

6.3 Triển khai giải pháp phòng chống virus, phần mềm độc hại tập trung toàn tỉnh.

- Trang bị phần mềm diệt virus bản quyền cho hệ thống máy chủ, máy trạm của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu của các đơn vị, cán bộ, công chức; đảm bảo an toàn thông tin trong việc triển khai thực hiện các ứng dụng về Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính ở mức cao nhất trong quá trình cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và người dân.
- Triển khai áp dụng các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống virus và mã độc hại cho các hệ thống thông tin và máy tính cá nhân có kết nối mạng nội bộ và mạng Internet, đáp ứng các mục tiêu theo Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại...

6.4. Đào tạo, tập huấn

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ chuyên trách/ phụ trách về ATTT/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo quản lý, kỹ thuật về ATTT.
- Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm ATTT mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về ATTT của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố ATTT mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

7. Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực CNTT: tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về CNTT cho cán bộ phụ trách CNTT các đơn vị nhằm đảm bảo trình độ, năng lực để triển khai, vận hành các ứng dụng CNTT tại đơn vị.

V. Giải pháp

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Xây dựng các giải pháp cải cách hành chính công tỉnh Quảng Nam; rà soát, tối ưu hoá và đổi mới phương thức cung cấp các dịch vụ công.

Cụ thể hóa và thể chế hóa các chủ trương, chính sách, quy định về ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử và Chính quyền số của tỉnh, gồm:

- Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp tại các cơ quan. Chuẩn hóa các quy định về tạo nguồn thông tin, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị được thuận lợi và an toàn.

- Quy định quản lý các dự án ứng dụng CNTT, sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các chính sách về thu hút, chế độ đãi ngộ, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực CNTT.

- Duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở tuân thủ và kế thừa Khung Kiến trúc Chính phủ Việt Nam, đảm bảo kết nối liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

Tạo các cơ chế để thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển công nghiệp và dịch vụ CNTT:

- Hoàn thiện và xây dựng các chính sách ưu đãi trong đầu tư, kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là liên doanh, liên kết phát triển phần cứng, phần mềm.

- Chính sách chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp trong tỉnh. Khuyến khích các chuyên gia nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia phát triển CNTT tại tỉnh Quảng Nam.

- Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường CNTT, đặc biệt chú ý đến việc khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT được tạo ra trong tỉnh, trong nước.

- Tạo hành lang pháp lý để hình thành các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến mô hình Chính quyền điện tử.

2. Giải pháp về xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT

Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách để thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị sẽ có một cán bộ lãnh đạo CNTT và tối thiểu 1 cán bộ chuyên trách về CNTT để tổ chức việc triển khai, vận hành, khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, các nội dung Kế hoạch tại nội bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Xây dựng các cơ chế, chính sách về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ phù hợp cho cán bộ, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ chế chính sách về khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư, tham gia triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

Phát triển các hình thức liên kết đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin. Chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng, sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin.

Đào tạo cán bộ công chức: hằng năm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho cán bộ công chức trong toàn tỉnh về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin để có thể thực hiện các quy trình tin học hóa về nghiệp vụ và tác nghiệp. Đồng thời, tiến hành đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức tuyển dụng mới về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin tích hợp của Chính quyền điện tử.

Đào tạo cán bộ phụ trách công nghệ thông tin: triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng, quản lý và giám sát các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin; đào tạo chuyên sâu theo chuyên đề cho các cán bộ phụ trách công nghệ thông tin nhằm thực hiện tốt vai trò tham mưu liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Đào tạo cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO): triển khai các chương trình đào tạo tập huấn hội nghị về vai trò quản lý, chỉ đạo tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề nghiệp vụ, quản lý chi phí và rủi ro; kỹ năng nhận diện và đánh giá những phát triển công nghệ mới; kỹ năng tư duy và chuyển giao các dự án công nghệ thông tin đúng thời gian và trong khuôn khổ ngân sách giúp tỉnh thực hiện tốt chiến lược xây dựng Chính quyền điện tử.

Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội.

3. Giải pháp về truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền và nhân dân trong tỉnh để triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao văn hoá khai thác và ý thức sử dụng công nghệ thông tin từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội thông tin, gắn kết với bảo đảm an toàn, an

ninh thông tin cho người sử dụng.

Xây dựng chính sách truyền thông, hỗ trợ đào tạo không chính khóa cho người dân tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí trang bị các thiết bị thông tin số cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

4. Giải pháp về đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp

Định kỳ tổ chức các đợt khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về các DVC TT do cơ quan nhà nước cung cấp, qua đó kịp thời cải tiến, nâng cao chất lượng hệ thống, xây dựng bổ sung các tiện ích theo yêu cầu thực tế để hoàn thiện hệ thống Chính quyền số của tỉnh.

5. Giải pháp về nguồn vốn

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm:

- Ngân sách Trung ương bổ sung Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin (thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia).
- Ngân sách địa phương (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên).
- Lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nhiệm vụ liên quan.
- Nguồn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân, cộng đồng.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

VI. Lộ trình thực hiện

1. Giai đoạn 2021-2023

- Rà soát, ban hành các quy chế về quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các quy định về tạo lập, quản lý và chia sẻ dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân, định danh điện tử, công tác văn thư, lưu trữ điện tử theo hướng dẫn của các Bộ, ngành, Trung ương để triển khai trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thuê dịch vụ Công nghệ thông tin (CNTT) trong các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo sẵn sàng tích hợp, chia sẻ dữ liệu CNTT dùng chung của tỉnh, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ quốc gia (NGSP).

- Đến hết năm 2021, 100% các cơ quan hành chính nhà nước ở cả 3 cấp sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc được kết nối liên thông để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia theo lộ trình quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin CQĐT được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian hợp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh và các hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc, văn phòng điện tử của tỉnh. Duy trì, phát triển nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh tới cấp xã, phường, thị trấn.

- 100% các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số về mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT (ICT Index), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh theo đánh giá hằng năm của các Bộ, ngành Trung ương.

- Triển khai thống nhất cổng dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã; cung cấp tối thiểu 70% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh và sẵn sàng tích hợp, kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng tinh thần Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với cổng dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến đảm bảo cung cấp giao diện cho các thiết bị di động, 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Phấn đấu đạt 100% cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT; 100% cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO) được đào tạo nâng cao nhận thức về Chính phủ điện tử, nền kinh tế số, xã hội số, về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; 100% cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT tại các cơ quan trong hệ thống chính trị trong tỉnh được đào tạo nâng cao về CNTT

2. Giai đoạn 2024-2025

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền số tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật. Hoàn thành việc tích hợp,

chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa công dịch vụ công tỉnh với công Dịch vụ công quốc gia; 100% các giao dịch trên công dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã được xác thực điện tử.

- Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3, 4 trên công dịch vụ hành chính công tỉnh, phần đầu đạt 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống CQĐT, Chính quyền số được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ cấp tỉnh tới cơ sở; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với công Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã biết sử dụng máy tính mức độ cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

- 60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các CSDL quốc gia không phải cung cấp lại.

VII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 320.000.000.000 đồng
- Ngân sách tỉnh: 350.000.000.000 đồng
- Ngân sách địa phương cấp huyện: 81.000.000.000 đồng
- Nguồn hỗ trợ từ các đề tài khoa học cấp bộ, tỉnh: 20.000.000.000 đồng
- Các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác: 30.000.000.0000 đồng
- Nguồn xã hội hóa: 100.000.000.000 đồng

Tổng cộng: 901.000.000.000 đồng (chín trăm lẻ một tỷ đồng).

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, rà soát lại các dự án đã đầu tư và nhu cầu nhiệm vụ để xác định lộ trình cụ thể trong việc triển khai các dự án thành phần đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện Kế hoạch và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đồng đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo CNTT, khảo sát đánh giá sự hài lòng của tổ chức công dân về chính quyền số.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh.

2. Trung tâm hành chính công tỉnh

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở ngành, địa phương hoàn thiện cơ sở vật chất, bộ máy nhân sự, xây dựng các quy trình tác nghiệp để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ để đáp ứng khả năng quản trị, vận hành và sử dụng có hiệu quả của hệ thống. Đảm bảo biên chế cho các đơn vị, địa phương để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức viên chức các cấp về chuyển đổi số, chính phủ số, chính quyền số, kỹ năng số, an toàn thông tin mạng.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo

đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành.

Chủ trì thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án hạ tầng thiết yếu theo thứ tự ưu tiên.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kế hoạch đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại. Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng Chính quyền số, đô thị thông minh với kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Kế hoạch 312-KH/TU ngày 27/4/2020 của Tỉnh ủy.

7. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin & Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

8. Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin & Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; Chủ động phối hợp với các sở, ban ngành địa phương của tỉnh để kịp thời triển khai các nhiệm vụ của ngành theo chỉ đạo của Trung ương trên cơ sở tích hợp với hệ thống chính quyền số của tỉnh.

9. Các Sở, Ban ngành có liên quan

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin & Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch ở cấp huyện và chủ động cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

Khảo sát hiện trạng, nhu cầu về đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, lập kế hoạch, dự án đầu tư trang thiết bị CNTT, hệ thống mạng, các phần mềm đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là đầu tư, trang bị cho cấp xã, xây dựng và vận hành hệ thống Hội nghị truyền hình cấp huyện, xã kết nối với cấp tỉnh. Triển khai các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý chỉ đạo điều hành tại địa phương như quản lý chỉ tiêu kinh tế xã hội địa phương, ứng dụng tương tác giữa người dân với chính quyền trên điện thoại thông minh, quản lý hộ kinh doanh cá thể, quản lý cấp phép xây dựng, quản lý dân cư nhân hộ khẩu thường trú cấp xã.

Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng CNTT cho cán bộ công chức cấp huyện, cấp xã đáp ứng yêu cầu theo quy định.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

Tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện Kế hoạch.

IX. Danh mục nhiệm vụ, dự án: (Phụ lục II đính kèm).

Trên đây là Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (Hậu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục I

Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: đồng

TT	Tên dự án, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Tình hình thực hiện
I. Nhóm dự án thuộc Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Nam đến năm 2020			15,041,996,000		
1	Xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	906,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
2	Xây dựng hệ thống thông tin chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Văn phòng UBND tỉnh	689,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
3	Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	932,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
4	CSDL quản lý điều hành ngân sách, tài sản công trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	300,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
5	Hệ thống quản lý bệnh viện và kê khai chi phí khám chữa bệnh BHYT	Sở Y tế		Vốn sự nghiệp	Thuê dịch vụ hằng năm
6	Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư ngân sách địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3,999,571,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
7	CSDL người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3,505,293,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
8	CSDL di sản, di tích trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	473,645,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
9	Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng giao thông vận tải	Sở Giao thông Vận tải	1,810,487,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện

10	Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Vốn sự nghiệp	chưa thực hiện
11	Xây dựng CSDL phục vụ quản lý nhà nước ngành công thương	Sở Công thương	1,029,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	416,000,000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
13	Cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý thông tin môi trường tỉnh Quảng Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường	981000000	Vốn sự nghiệp	đã thực hiện
14	Hệ thống thông tin quản lý quy hoạch kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường		Vốn sự nghiệp	chưa thực hiện
15	Hệ thống Quản lý thông tin trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo			CSDL do Bộ GD&ĐT xây dựng
II. Nhóm dự án thuộc dự án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam			60,059,599,863		
1	Mua sắm thiết bị trung tâm dữ liệu và hệ thống bảo mật	Sở Thông tin và Truyền thông	15,851,479,000	Vốn đầu tư	đã thực hiện
2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình	Sở Thông tin và Truyền thông	4,796,000,000	Vốn đầu tư	đã thực hiện
3	Nâng cấp hệ thống mạng WAN của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	3,436,830,100	Vốn đầu tư	đã thực hiện
4	Triển khai hệ thống phần mềm hành chính công điện tử cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	5,914,527,413	Vốn đầu tư	đã thực hiện
5	Nâng cấp cổng thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	7,682,018,000	Vốn đầu tư	đang thực hiện
6	Điều chỉnh, bổ sung và nâng cấp Hệ thống phần mềm hành chính công điện tử cấp tỉnh để triển khai Hệ thống phần mềm hành chính công điện tử cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2,414,525,003	Vốn đầu tư	đang thực hiện

7	Cấu hình, triển khai bổ sung TTHC, DVC TT trên Hệ thống phần mềm hành chính công điện tử cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	226,773,347	Vốn đầu tư	đang thực hiện
8	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	15,756,125,000	Vốn đầu tư	đang thực hiện
9	Xây dựng hệ thống email công vụ toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	3,981,322,000	Vốn đầu tư	đã thực hiện

Phụ lục II

Danh mục nhiệm vụ, dự án giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nội dung thực hiện	Kinh phí	Thời gian thực hiện
I	Hạ tầng kỹ thuật CNTT				483.000	
1	- Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số và đô thị thông minh.	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện nâng cấp, tái cấu trúc mô hình hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây (mô hình private cloud) để phục vụ lưu trữ, vận hành hệ thống các ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh	120.000	2021 - 2022
2	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC)	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT để triển khai vận hành Trung tâm giám sát Xây dựng hệ thống phần mềm điều hành quản lý đô thị thông minh, tổng hợp, phân tích, báo cáo thông kê số liệu	80.000	2022 - 2023
3	Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư thiết bị, mở rộng hạ tầng mạng WAN/Truyền số liệu chuyên dùng kết nối đến cấp xã/phường	49.000	2022 - 2023
4	Nâng cấp hạ tầng CNTT, hệ thống bảo mật cho các Sở, ngành, địa phương trên địa	Các sở, ngành, địa phương	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã,	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, wifi, máy tính, trang thiết bị CNTT, lưu trữ và phòng chống mã độc, đáp ứng yêu cầu ứng dụng	28.000	2022 - 2023

	bàn tỉnh		thành phố	CNTT tại các đơn vị, nâng cao năng lực phòng chống và xử lý, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các Sở/Ngành/địa phương trên địa bàn toàn Tỉnh.		
5	Mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Nâng cấp thiết bị Hội nghị truyền hình theo tiêu chuẩn HD tại phòng họp của 18 Văn phòng UBND huyện, thị xã, thành phố. - Nâng cấp hệ thống MCU trung tâm để có thể mở rộng kết nối đến tất cả các phòng họp trực tuyến đến cấp xã. - Đầu tư thiết bị đầu cuối dự phòng cho các điểm cầu tại UBND các xã, phường, thị trấn.	56.000	2021 - 2022
6	Đầu tư hiện đại hóa hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Công an Tỉnh	Sở GTVT UBND các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng Trung tâm lưu trữ, điều hành, kết nối các hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh. + Nâng cấp, mở rộng các hệ thống camera giám sát an ninh trật tự hiện có và xây dựng mới các hệ thống camera giám sát tại một số địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. + Đầu tư xây dựng hệ thống camera giám sát giao thông kết hợp an ninh trên tuyến quốc lộ 1A đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Nam.	150.000	2021 - 2023
II	Ứng dụng CNTT				359.000	
	Các nền tảng, ứng dụng dùng chung				200.000	

1	Xây dựng Nền tảng Chính quyền số tỉnh Quảng Nam, phục vụ phát triển ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số, kết nối hệ thống (đô thị thông minh, dữ liệu mạng xã hội, ...)	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng Nền tảng liên thông tích hợp, phát triển ứng dụng, dịch vụ, giám sát, phân tích dữ liệu, devops, cloud, định danh, fintech... phục vụ phát triển ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số, kết nối hệ thống (đô thị thông minh, dữ liệu mạng xã hội, ...), đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo các tiêu chuẩn công nghệ mới trong lĩnh vực ICT	50.000	2023 - 2024
2	Hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng dùng chung theo hướng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và khai thác các CSDL quốc gia, CSDL địa phương	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	nâng cấp các ứng dụng dùng chung đảm bảo liên thông, tích hợp, chia sẻ được với các nền tảng chính quyền điện tử LGSP. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung phải được chia sẻ khi có nhu cầu. Các dữ liệu gốc sinh ra trong các nghiệp vụ phải được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API), hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp địa phương.	30.000	2023 - 2024
3	Xây dựng và triển khai các ứng dụng chính phủ điện tử giúp điều hành, quản lý và kết nối với người dân, doanh nghiệp	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng tổng đài hỏi đáp các vướng mắc; công thông tin phản ánh, góp ý; ứng dụng trên điện thoại thông minh... tương tác giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp. Chuyển tiếp các vấn đề tồn tại tới các cơ quan chức năng chuyên trách, kịp thời giải quyết cho công dân, doanh nghiệp.	30.000	2022 - 2023

4	Xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Nam.	Sở TTTT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng các công cụ lưu trữ, xử lý, quản trị dữ liệu dùng chung trên toàn Tỉnh (Data warehouses, Datalake...)	20.000	2024 - 2025
5	Xây dựng các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của Tỉnh.	Sở TTTT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng công cụ để chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu mở của Tỉnh. Cổng dữ liệu mở là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan thuộc Chính quyền tỉnh Quảng Nam trên môi trường mạng nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế xã hội số	20.000	2021 - 2025
6	Nâng cấp, triển khai Hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh và hệ thống ký số tập trung	Sở TTTT	Sở Nội vụ Văn phòng UBND tỉnh	Đầu tư hệ thống máy chủ cài đặt phần mềm nền tảng phục vụ xây dựng kho lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh, Mua sắm thiết bị phục vụ cho số hóa dữ liệu, nhận dạng, bóc tách tự động - Đầu tư phần mềm lưu trữ điện tử tập trung toàn tỉnh.	50.000	2022 - 2023
Các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành					159.000	
1	- Xây dựng CSDL về cấp phép Xây dựng tỉnh Quảng Nam. - Xây dựng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị trên địa toàn tỉnh	Sở Xây dựng	Sở GTVT UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hệ thống thông tin quản lý cấp phép xây dựng triển khai đồng bộ từ tỉnh đến các địa phương Hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành quy hoạch xây dựng	15.000	2022 - 2023

2	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường, Cổng thông tin chia sẻ dữ liệu không gian địa lý tỉnh Quảng Nam	Sở TN&MT	Sở TT&TT	<ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng Hệ thống thông tin tích hợp và quản trị TNMT. + Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý, Cổng thông tin không gian địa lý tỉnh Quảng Nam : 01 bộ cơ sở dữ liệu nền địa lý cấp tỉnh, 18 bộ cơ sở dữ liệu nền địa lý cấp huyện/thành phố. Cung cấp chia sẻ hạ tầng dữ liệu không gian, dịch vụ dữ liệu (services) nền phục vụ vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Quảng Nam. + Phân hệ Trao đổi thông tin điện tử giữa cơ quan quản lý Thuế và cơ quan quản lý đất đai. + Phân hệ phần mềm quản lý CSDL quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. + Phân hệ phần mềm quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra lĩnh vực TNMT. + Phân hệ phần mềm hỗ trợ cập nhật, quản lý CSDL tài nguyên nước, khí tượng thủy văn. + Phân hệ phần mềm hỗ trợ cập nhật cơ sở dữ liệu, quản lý hoạt động địa chất khoáng sản. + Phân hệ phần mềm quản lý, cập nhật CSDL Biển - Hải đảo. 	40.000	2023 - 2024
3	- Xây dựng CSDL khách sạn, nhà hàng, các địa điểm lưu trú, các công ty lữ hành, vận	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	các huyện, thị xã, thành phố	Phần mềm quản lý Vận động viên Thể thao; Hệ thống Trưng bày và Thuyết minh tương tác ở Bảo tàng; Công nghệ	10.000	2022 - 2023

	tải du lịch...trên toàn Tỉnh. - Xây dựng CSDL số di sản văn hóa thế giới Hội An và Mỹ Sơn: xây dựng bộ bản đồ địa hành, mô hình số độ cao, CSDL địa lý của di sản, mô hình số 3D khu di tích, di sản; dựng hình ảnh 360 và mô hình thực tế ảo, thu thập dữ liệu thông tin thuộc tính của các di sản văn bản...			thực tế ảo trong giới thiệu điểm đến		
4	- Xây dựng CSDL về quản lý cấp phép đầu tư và chứng nhận đầu tư của tỉnh. - Xây dựng CSDL về hộ kinh doanh cá thể của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các huyện, thị xã, thành phố	Phần mềm và CSDL quản lý cấp phép đầu tư và chứng nhận đầu tư của tỉnh, quản lý hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh.	10.000	2023 - 2024
5	Xây dựng CSDL ngành y tế	Sở Y Tế	các huyện, thị xã, thành phố	Nâng cấp, tích hợp các hệ thống quản lý khám chữa bệnh; hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai bệnh án điện tử Phần mềm thống kê y tế điện tử Hệ thống thông tin quản lý nguồn nhân lực y tế Hệ thống thông tin quản lý cung ứng thuốc, kiểm nghiệm thuốc và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành dược, Hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế Hệ thống thông tin quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm Nâng cấp và phát triển các ứng dụng, dịch vụ, tiện ích trong lĩnh vực y tế nhằm nâng	30.000	2022 - 2025

				cao năng lực hệ thống y tế trên địa bàn Tỉnh, bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người dân và du khách.		
6	Xây dựng CSDL chuyên ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Lao động thương binh và xã hội	các huyện, thị xã, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng CSDL về cấp phép lao động nước ngoài. - Xây dựng CSDL quản lý đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, CSDL quản lý các đối tượng nghiện ma túy, người bán dâm, nạn nhân bị mua bán 	5.000	2022 - 2023
7	Xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn		<ul style="list-style-type: none"> - CSDL chăn nuôi, thú y. CSDL trồng trọt và bảo vệ thực vật - CSDL quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, CSDL về giấy phép khai thác thủy sản và đăng ký tàu cá trong Tỉnh. 	5.000	2022 - 2023
8	Hệ thống thống kê báo cáo số liệu tổng hợp của tỉnh.	VP UBND Tỉnh	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo đầy đủ các tiêu chí, biểu mẫu theo chế độ báo cáo hiện hành, đáp ứng yêu cầu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, phân cấp hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, cấp huyện và các ngành, kết nối với Chính phủ theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ	5.000	2021 - 2022

9	Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, điều hành tác nghiệp tại Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phần mềm hỗ trợ quản lý nội dung kỳ họp HĐND; + Hệ thống quản lý, theo dõi ý kiến, kiến nghị của HĐND tỉnh	2.000	2022 - 2023
10	Xây dựng hệ thống quản lý và dữ liệu nhà trường, các cơ sở giáo dục, văn bằng chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo	các huyện, thị xã, thành phố	Triển khai hệ thống quản lý trường học, trường học điện tử, kết nối dữ liệu về Sở GD&ĐT phục vụ tổng hợp báo cáo	5.000	2022 - 2023
11	Xây dựng công cụ tích hợp CSDL dân cư Quốc gia với các hệ thống thông tin của tỉnh	Công an Tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kết nối, tích hợp dữ liệu CSDL quốc gia về dân cư do Bộ Công an chia sẻ với các ứng dụng Chính quyền điện tử thông qua LGSP của tỉnh Công cụ hỗ trợ quản lý nhân, hộ khẩu thường trú cho Công an các xã, phường, thị trấn	2.000	2022 - 2023
12	Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp; kế hoạch thanh tra; CSDL và hệ thống Quản lý kê khai tài sản	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Phần mềm và CSDL quản lý dữ liệu về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo các cấp; kế hoạch thanh tra; CSDL và hệ thống Quản lý kê khai tài sản	3.000	2022 - 2023
13	Xây dựng CSLD chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông		CSDL chuyên ngành quản lý dữ liệu về báo chí, xuất bản, CNTT, Bru chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh	3.000	2022 - 2023
14	Xây dựng hệ thống ký số tập trung phục vụ quản lý chứng thư số, cung cấp dịch vụ ký số cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Hệ thống ký số tập trung phục vụ quản lý chứng thư số, cung cấp dịch vụ ký số cho các ứng dụng dùng chung, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo Thông tư 16/2019/TT-BTTTT và của Ban Cơ yếu chính phủ quy định	5.000	2021 - 2022

15	Số hóa các CSDL trên toàn tỉnh	Sở Nội vụ	các ngành, địa phương	Số hóa hồ sơ lưu trữ, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị	19.000	2021 - 2025
III	An toàn, bảo mật thông tin				45.000	
1	Xây dựng trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) toàn Tỉnh.	Sở Thông tin và truyền thông	các ngành, địa phương	Xây dựng trang thiết bị trung tâm giám sát an toàn thông tin. Xây dựng nền tảng giám sát an toàn thông tin, các bộ tích hợp giám sát an toàn thông tin, đảm bảo việc giám sát, phân tích thông tin, cảnh báo sớm cho các sở, ban, ngành đồng thời thực hiện công tác điều hành an toàn, an ninh mạng trên quy mô toàn tỉnh.	40.000	2021 - 2022
2	Triển khai giải pháp phòng chống virus, phần mềm độc hại tập trung toàn tỉnh	Sở Thông tin và truyền thông	các ngành, địa phương	Trang bị phần mềm diệt virus bản quyền cho hệ thống máy chủ, máy trạm của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh - Triển khai áp dụng các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống virus và mã độc hại	5.000	2021 - 2025
IV	Truyền thông và đào tạo nguồn nhân lực cho Chính quyền điện tử				14.000	
1	Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao năng lực và hoàn thiện thể chế triển khai, vận hành chính quyền điện tử; đào tạo nguồn nhân lực CNTT	Sở Thông tin và truyền thông	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao năng lực và hoàn thiện thể chế triển khai, vận hành chính quyền điện tử; đào tạo nguồn nhân lực CNTT	14.000	2021 - 2025
	Tổng cộng				901.000	